TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** TỈNH TIỀN GIANG Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST Ngày: 16-7-2020 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Luân.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST-HN ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HN ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-HN ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp PX, xã PM, huyện T, tỉnh TG (có mặt).

2.*Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp PX1, xã PM1, huyện T1, tỉnh TG1 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1998, bà và ông N1 được sự chấp thuận của hai bên gia đình ông bà sống chung có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã PM, huyện TP, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38 vào sổ quyển số 01/2008 ngày 01-7-2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn do ông N1 không chăm lo làm ăn thường xuyên nhậu say đánh đập bà, từ tháng 8-2019 bà dọn ra thuê nhà sống riêng, vợ chồng ly thân từ tháng 8-2019 cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn N1.

Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, ông bà có ba con chung Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh ngày 28-7-1998; Nguyễn Thị Ngọc Nh, sinh ngày 23-6-2000 và Nguyễn Thị Ngọc Ph, sinh ngày 10-01-2003. Con chung Nguyễn Thị Ngọc Th và Nguyễn Thị Ngọc Nh đã thành niên bà N không yêu cầu giải quyết, riêng con chung Nguyễn Thị Ngọc Ph đang sống cùng bà khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc Ph, không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

***Bị đơn Nguyễn Văn N1:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ ông N1 nhiều lần nhưng ông N1 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N tranh chấp yêu cầu ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn N1, địa chỉ: ấp PX1, xã PM1, huyện TP1, tỉnh TG1 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn N1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn N1 sống chung năm 1998 có đăng ký kết hôn năm 2008 được Ủy ban nhân xã PM, huyện TP, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông N1 là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa bà N và ông N1 sống chung không hạnh phúc nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu theo bà N là do ông N1 không chăm lo làm ăn, ông N1 nhậu say đánh đập bà thường xuyên nên bà dọn ra ngoài thuê nhà sống riêng. Thời gian ly thân ông bà không hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng ông N1 không đến tham dự cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của bà N, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc N.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình sống chung, ông bà có ba con chung Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh ngày 28-7-1998; Nguyễn Thị Ngọc Nh, sinh ngày 23-6-2000 và Nguyễn Thị Ngọc Ph, sinh ngày 10-01-2003. Con chung Nguyễn Thị Ngọc Th và Nguyễn Thị Ngọc Nh đã thành niên bà N không yêu cầu giải

quyết. Hiện nay cháu Ph đang sống cùng bà N, khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc Ph. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay Ph đang sống ổn định cùng bà N, bà N có nguồn thu nhập đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, con chung có nguyện vọng sống cùng bà N nên cần thiết tiếp tục giao cháu Ngọc Ph cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cho cháu Ph. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao con chung Nguyễn Thị Ngọc Ph, sinh ngày 10-01-2003 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn N1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc Ph, sinh ngày 10-01-2003 cho bà Nguyễn Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn N1 được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông N1 chưa phải đóng góp nuôi con chung do bà N chưa có yêu cầu.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20288 ngày 27-02-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Bà N đã nộp đủ án phí HNST.

5. Quyền kháng cáo: Bà N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông N1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND huyện Tân Phước;
-Chi cục THADS huyện Tân Phước;
-Các đương sự;
-UBND xã PM, huyện TP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Thuyền